

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, chuyên đề kinh tế

Thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TB ngày 18-4-2019 của Tiểu ban xây dựng văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh. Tổ Nghiên cứu chuyên đề Kinh tế báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X về lĩnh vực kinh tế như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ,
CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X ĐẢNG BỘ TỈNH

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, trong điều kiện tình hình trong nước kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt chẽ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, gắn với thực hiện đầy đủ các cam kết đối với Hiệp định thương mại tự do với các đối tác FTA, TPP, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư tư nhân; giúp thúc đẩy sản xuất trong nước, nền kinh tế của tỉnh có những thuận lợi cơ bản, kinh tế tăng trưởng tương đối ổn định sẽ tiếp tục tạo đà thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, đầu tư xây dựng được cải thiện rõ rệt, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp mới thành lập tăng cao.

Tuy nhiên kinh tế thế giới có nhiều thách thức, chiến tranh thương mại xảy ra, giá các sản phẩm nông thủy sản từng lúc diễn biến bất lợi, tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra và ngày càng phức tạp. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các ngành các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, thực hiện các mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ X (2015-2020) trên lĩnh vực kinh tế đạt kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7,22% so với mục tiêu Nghị quyết tăng trưởng 8,5% (*giá trị GRDP đạt 71.755 tỷ đồng, đạt 101,35% so mục tiêu Nghị quyết*) (tính theo giá trị GRDP năm gốc 2015 công bố mới của Cục Thống kê là 50.647 tỷ đồng).

Nếu tính theo giá trị năm 2015 tại thời điểm xây dựng kế hoạch là 47.076 tỷ đồng thì bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,8%, vượt mục tiêu Nghị quyết tăng trưởng 8,5%. Trong đó, ngành nông lâm thủy sản tăng 1,29%, ngành công nghiệp – xây dựng là 9,17% và ngành dịch vụ tăng 10,7%. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp từng bước chuyển dịch tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 40,39% năm 2015 xuống còn 31,54% (*mục tiêu 36,28%*); tỷ trọng công nghiệp từ 18,11% lên 20,06% (*mục tiêu 23,38%*) và dịch vụ từ 41,5% lên 48,4%. GRDP bình quân đầu người tăng từ 1.630 USD năm 2015 lên 2.458 USD năm 2020 (*mục tiêu >3000 USD*).

2. Phát triển ngành và lĩnh vực cụ thể:

2.1 Lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp-Thủy sản

a) Về phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản tăng trưởng bình quân 5 năm 2016-2020 (giá so sánh 2010) ước đạt 2,5%/năm. Trong giai đoạn đã thực hiện các chương trình, đề án cơ cấu lại ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất theo chuỗi giá trị, hiệu quả và phát triển bền vững, đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi thủy sản được 32.864 ha¹; quy hoạch vùng lúa chuyên canh, chất lượng cao 120.000 ha, có 62.539 ha thực hiện theo mô hình cánh đồng lớn, đạt 43,2% chỉ tiêu nghị quyết đề ra²; thực hiện sản xuất lúa theo hướng VietGAP có bước phát triển. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là về chuyển đổi giống mới, phương thức canh tác mới³, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị thu nhập, các sản phẩm được chứng nhận theo tiêu chuẩn của Việt Nam, Châu Âu, quốc tế.

¹ Trong đó chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa kém hiệu quả sang tôm – lúa đến năm 2020 tăng lên 22.134ha so năm 2015 sang cây công nghiệp, cây ăn quả 4.871ha.

² Diện tích bao tiêu năm 2016 là 12.860 ha tăng lên gần 75.000 ha năm 2018, đến năm 2019 còn lại 31.000 ha.

³ Giảm giống gieo sạ từ 180-250 kg/ha, áp dụng sạ thưa xuống còn 80 – 120 kg/ha. Tổng lượng giống sản xuất theo cánh đồng lớn giảm khoảng trên 5.600 tấn/năm, tổng chi phí giống giảm khoảng trên 67 tỷ đồng/năm. Nông dân sản xuất lúa được ký kết thu đảm bảo lợi nhuận 40%.

Sản lượng lúa dự kiến năm 2020 đạt 4,29 triệu tấn bằng 84,64% so mục tiêu Nghị quyết⁴ (5,068 triệu tấn). Đến nay tỷ lệ lúa chất lượng cao chiếm 72% tổng diện tích gieo trồng. Xây dựng và duy trì được một số vùng cây ăn trái mang lại nguồn thu nhập khá cho nhà vườn với nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao (xoài, sầu riêng, măng cụt, dứa, chuối, ...).

Thực hiện quy hoạch phát triển vùng chuyên canh rau an toàn tập trung quanh các đô thị, khu du lịch như Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; cây khóm ổn định địa bàn sản xuất ở huyện Châu Thành, Gò Quao, Vĩnh Thuận; diện tích 8.383ha, tăng 528 ha so năm 2016, dự kiến kế hoạch năm 2020 là 8.600 ha, vượt 21% so Nghị quyết đề ra.

Phát triển đàn heo theo hướng kết hợp giữa ổn định tổng đàn với nâng cao trình độ chăn nuôi theo hướng tập trung⁵; phát triển mạnh đàn vịt, gà theo hướng an toàn sinh học, quản lý chặt chẽ mô hình nuôi vịt chạy đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 87 trang trại, còn lại là nuôi theo hộ gia đình; có 51 cơ sở giết mổ gia súc tập trung thuộc thị trấn, thành phố; các xã có 48 điểm giết mổ kiểm tra đóng dấu kiểm soát giết mổ tại chợ thuộc vùng nông thôn; kiểm soát được trên 90% lượng sản phẩm động vật phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày của tỉnh so với năm 2016 chỉ kiểm soát được khoảng 70%.

b) Về phát triển thủy sản:

Khai thác thủy sản đầu tư theo hướng giảm dần tàu thuyền có công suất nhỏ khai thác ven bờ, phát triển tàu có công suất lớn đánh bắt xa bờ, góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển quốc gia. Tổng phương tiện khai thác thủy sản ước đạt 9.900 tàu, giảm 195 tàu so với năm 2016. Đã chú trọng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức lại sản xuất trên biển và tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng, bảo quản và chế biến thủy sản; tổ chức lại theo hướng giảm dần tàu thuyền có công suất nhỏ khai thác ven bờ, phát triển tàu có công suất lớn đánh bắt xa bờ. Các tàu từ 90 mã lực trở lên trang bị đầy đủ máy định vị vệ tinh, máy đo sâu dò cá, máy thông tin liên lạc vô tuyến điện tầm xa; tàu từ 400 mã lực trở đều trang bị thêm hệ thống nhận dạng tự động và sử dụng một số công nghệ mới trong bảo quản sản phẩm⁶.

⁴ Năm 2019, ước tổng diện tích gieo trồng và thu hoạch lúa 716.619 ha, bằng 93,5% so với năm 2016, đạt 97% so chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Năng suất thu hoạch bình quân đạt 6.03 tấn/ha, tăng 0,597 tấn/ha so với năm 2016, đạt 98,88% so kế hoạch năm 2020.

⁵ Tổng đàn năm 2019: Đàn trâu 5.013 con, đạt 95,35% so với năm 2016; đàn bò 13.336 con, tăng 17,61% so với năm 2016; Đàn heo 328.289 con đạt 90,69% so với năm 2016; Đàn gia cầm 5.439.000 con, đạt 99,14% so với năm 2016. Tổng đàn chăn nuôi năm 2020 duy trì ổn định như năm 2019. Đến nay toàn tỉnh hiện có 2.422 nhà nuôi chim yến. Sản lượng yến sào thu hoạch ước đạt 13,4 tấn. Việc phát triển nuôi chim yến đã mang lại thu nhập cao cho một số hộ gia đình, góp phần cho tăng trưởng của ngành nông nghiệp.

⁶ Giúp cải thiện về chất lượng và giảm được tỷ lệ hao hụt sản phẩm sau thu hoạch, nên đã tăng thời gian bám biển cho các tàu cá.

Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước năm 2020 là 755.000 tấn, tăng 11,47% so năm 2015 và bằng 99,93% so với mục tiêu Nghị quyết (755.505 tấn). Trong đó, nuôi trồng thủy sản ước đạt 260.000 tấn, bằng 97,92% so với mục tiêu Nghị quyết; riêng tôm nuôi ước đạt 85.000 tấn⁷. Đây mạnh đầu tư phát triển cơ sở sản xuất tôm giống phục vụ sản xuất, đến nay sản lượng tôm giống đáp ứng khoảng 30% nhu cầu con giống nuôi. Đây mạnh ứng dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia trong nuôi tôm như thực hành sản xuất tốt (GAP), thực hành sản xuất tốt toàn cầu (GlobalGAP) và theo tiêu chuẩn Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản của Châu Âu (ASC)...

Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang mô hình Tôm – Lúa đã mang lại hiệu quả cho người sản xuất, từ thu nhập bình quân khoản 50 triệu đồng/ha, tăng lên từ 100-130 triệu đồng/ha. Phát triển mô hình nuôi tôm 02 giai đoạn, đây là mô hình mang lại kinh tế cao từ năm 2016-2019 thực hiện 44 điểm trình diễn⁸.

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, các ngân hàng đã cho vay đóng mới và nâng cấp tàu cá là 47/64 tàu với tổng số tiền cam kết cho vay gần 333 tỷ đồng⁹; hỗ trợ hơn 133 tỷ đồng chính sách bảo hiểm thuyền viên và thân tàu¹⁰.

Cơ sở hạ tầng sản xuất từng bước được đầu tư hoàn thiện, đã triển khai thực hiện nhiều dự án; xây dựng 117 hệ thống cống trên đê, 2.704 km kênh mương được kiên cố hóa (nạo vét), 609 công trình thủy lợi nội đồng theo quy hoạch đã được cải tạo, nâng cấp và có 1.252 trạm bơm trong đó 240 trạm bơm điện vừa và nhỏ được xây dựng mới. Hệ thống thủy lợi cơ bản hoàn thành, hệ thống kênh thoát lũ dẫn ngọt vùng Tứ giác Long Xuyên và Tây Sông Hậu đáp ứng tưới tiêu, ngăn mặn để sản xuất 2 vụ lúa ổn định, trong đó có trên 90.000 ha có khả năng sản xuất 3 vụ/năm.

⁷ Phát triển nhanh hình thức nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp đến năm 2020 tăng 50,1% về diện tích và tăng 86,9% về sản lượng so với năm 2015 (năm 2015 là 2.132 ha, sản lượng là 14 983 tấn; đến năm 2020 là 3200 ha và sản lượng là 28.000 tấn).

⁸ Tại 4 huyện: Hòn Đất, Kiên Lương, Hà Tiên, An Minh với quy mô 1.200m²/điểm, năng suất trung bình 24,25 tấn/ha, lợi nhuận trung bình trên 34 triệu đồng/mô hình tương đương 280 triệu đồng/ha. Mô hình mang lại thu nhập cao cho bà con và tạo ra sản phẩm phù hợp với xu hướng nông nghiệp hiện nay, diện tích sử dụng đất cho mô hình thấp nhưng chi phí đầu tư khá cao, cần mạnh dạn đầu tư cho mô hình này để làm tăng giá trị sản xuất.

⁹ Gồm 43 tàu đóng mới và 04 tàu nâng cấp, tổng số tiền đã giải ngân từ đầu chương trình đến nay đạt gần 330 tỷ đồng, đạt 99,15%; số tàu đến hạn thu nợ 45 tàu, tổng số tiền thu nợ lũy kế đến nay gần 52 tỷ đồng, dư nợ là 278,18 tỷ đồng.

¹⁰ Trong đó: Số tàu được bảo hiểm là 4.131 tàu, với tổng số tiền hỗ trợ hơn 122 tỷ đồng và số người được bảo hiểm tai nạn thuyền viên là 26.924 người, với số tiền hỗ trợ hơn 8 tỷ đồng.

Hoàn thành đưa vào sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòn Tre, huyện Kiên Hải, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Linh Huỳnh; cảng cá Xẻo Nhàu, nâng cấp cảng cá An Thới. Đang triển khai thi công nâng cấp cảng cá Tắc Cậu, khu neo đậu tránh trú bão Gành Dầu, khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái Lớn Cái Bé, khu neo đậu tránh trú bão kết hợp nâng cấp cảng cá Thổ Châu giai đoạn 01, các dự án này dự kiến hoàn thành năm 2020, về cơ bản dịch vụ hậu cần nghề cá đã đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn hiện nay.

c) Về bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng:

Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2016-2020 theo hướng duy trì hợp lý diện tích rừng đặc dụng và phòng hộ, điều chỉnh một phần diện tích rừng sản xuất kém hiệu quả sang sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 12%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tình hình chặt phá, lấn chiếm đất rừng ở một số nơi vẫn có xảy ra nhưng đến nay cơ bản được đẩy lùi, diện tích rừng được giữ ổn định¹¹. Công tác trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu¹² tiếp tục được quan tâm thực hiện. Khoán bảo vệ rừng vẫn được duy trì hàng năm bình quân 4.000 ha/năm. Phong trào trồng rừng sản xuất, trồng cây phân tán từng bước được phục hồi nhằm cung cấp nguyên liệu cho nhà máy MDF Kiên Giang công suất 75.000 m³/năm và cung cấp củi trầm trọng cho hoạt động xây dựng. Đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa nghề rừng thông qua hình thức liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng kết hợp du lịch sinh thái gắn với quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Đến nay, toàn tỉnh có 26 dự án cho thuê môi trường rừng và liên doanh liên kết, đã góp phần cùng với chủ rừng tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

d) Về xây dựng nông thôn mới:

Đến nay, toàn tỉnh có 79/117 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, chiếm 67,5% tổng số xã; có huyện Tân Hiệp được công nhận huyện đạt nông thôn mới. Các chỉ tiêu nông thôn mới bình quân toàn tỉnh đạt 16,6 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn 50 triệu đồng/người/năm.

2.2. Đánh giá tình hình đầu tư, khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết Trung ương 4, khóa X

Công tác tuyên truyền, nhận thức và hưởng ứng về tầm quan trọng của chiến lược biển được quan tâm chú trọng, tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ và nhân dân. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị biển, ven biển, quản lý tài nguyên, môi trường ven biển, hải đảo được tăng cường; các ngành nghề khai thác, nuôi trồng ven biển và hải đảo tăng về sản lượng và giá trị.

¹¹ Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng lén lút khai thác, xâm hại đến rừng nhất là rừng phòng hộ ven biển và rừng đồi núi ở huyện Phú Quốc, nhưng đều được ngăn chặn, đẩy lùi, diện tích đất lâm nghiệp không có sự biến động.

¹² Năm 2016 là 1.240 ha, năm 2017 là 400 ha, năm 2018 là 81 ha.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp như: Các cảng biển, sân bay, đường hành lang ven biển, khu neo đậu tàu,... đặc biệt là sự phát triển của các đô thị ven biển, đảo đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư chiến lược, các dự án du lịch quy mô lớn được hoàn thành đưa vào khai thác. Công tác chăm sóc sức khỏe được triển khai đến tận các xã, đảo; đời sống của nhân dân ven biển, trên các đảo từng bước được cải thiện.

Nhìn chung, kinh tế biển của tỉnh có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng đóng góp cao trong sự phát triển, tăng trưởng kinh tế chung của toàn tỉnh. Ước cuối năm 2019, tăng trưởng kinh tế biển chiếm 79,76% GRDP toàn tỉnh (đã vượt 7,78% kế hoạch đến năm 2020 là 74%); dự kiến đến năm 2020, chiếm 80% GRDP toàn tỉnh, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.753 USD, gấp 1,25 lần so với thu nhập bình quân toàn tỉnh, vượt mục tiêu đặt ra là đến năm 2020 đạt gấp 1,2 lần (ước năm 2019 toàn tỉnh đạt 2.195 USD, năm 2020 đạt 2.368 USD).

2.3. Phát triển công nghiệp – xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 ước tính đạt 51.697 tỷ đồng, tăng 148,27% so với năm 2015; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,2%/năm¹³, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (tăng trưởng 12%/năm). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành công nghiệp chủ đạo và là động lực tăng trưởng của toàn ngành, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh¹⁴. Tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2015 có 10.406 cơ sở, ước tính đến 2020 giảm xuống còn 9.250 cơ sở¹⁵ và 750 doanh nghiệp so đầu nhiệm kỳ có 537 doanh nghiệp. Đã thu hút được một số dự án đầu tư quy mô lớn như: Nhà máy Chế biến gỗ MDF VPG Kiên Giang; Nhà máy May Vinatex Kiên Giang tại huyện Gò Quao; Nhà máy Giày Thái Bình Kiên Giang; Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang... của các tập đoàn, tổng công ty Trung ương.

Trong thời gian qua tỉnh đã tập trung quy hoạch, lập dự án kêu gọi vốn đầu tư để xây dựng các khu công nghiệp của tỉnh. Hiện nay đã có 2/5 khu công nghiệp của tỉnh đi vào hoạt động là Khu công nghiệp Thạnh Lộc (Châu Thành) và khu công nghiệp Thuận Yên (Hà Tiên).

¹³ Thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 10,01%/năm của nhiệm kỳ trước (2011-2015)

¹⁴ Năm 2020, giá trị sản xuất ngành này ước tính đạt 50.194 tỷ đồng, tăng 149,28% so với đầu nhiệm kỳ; ngành sản xuất, phân phối điện, nước nóng, khí đốt đạt 862 tỷ đồng, tăng 153,06%; ngành khai khoáng ước tính đạt 330 tỷ đồng, giảm 38,11% và ngành cung cấp nước, hoạt động xử lý rác, nước thải đạt 310 tỷ đồng, tăng 213,33% so với đầu nhiệm kỳ.

¹⁵ Trong đó nguyên nhân giảm chủ yếu từ việc giảm số lượng các hộ kinh doanh cá thể từ 9.869 giảm xuống còn 8.598 cơ sở. Các cơ sở này chủ yếu là sản xuất gia công nhỏ lẻ, chất lượng hàng hóa chưa cao, thị trường tiêu thụ không ổn định.



Khu công nghiệp Thạnh Lộc đã thực hiện công tác đầu tư hạ tầng KCN đến nay ước đạt 74% so Nghị quyết¹⁶, đã thu hút 23 dự án đăng ký đầu tư, với diện tích 80,2 ha, tỷ lệ lấp đầy (giai đoạn 1) đạt 74,64%¹⁷, có 09 dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, nộp ngân sách tỉnh ước đạt 3.280 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 7.287 lao động. Khu công nghiệp Thuận Yên đã tiếp nhận 3 dự án đăng ký đầu tư, diện tích 82,13ha, vốn đăng ký 578,27 tỷ đồng; có 01 dự án đi vào hoạt động; giá trị sản xuất kinh doanh là 189 tỷ đồng, tạo việc làm cho 145 lao động. Khu cảng cá Tắc Cậu giai đoạn 2, khu công nghiệp Kiên Lương 2.400ha. Cụm công nghiệp Hà Giang, Hà Tiên thu hút 01 nhà máy chế biến bột cá đi vào hoạt động, tổng vốn đăng ký 140 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp khoảng 310 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 110 lao động.

Hoàn thành các dự án cấp điện cho các xã đảo như: Dự án đường dây 22kV cấp điện cho xã đảo Lại Sơn, huyện Kiên Hải, dự án cấp điện lưới quốc gia cho xã đảo Hòn nghệ và xã đảo Sơn Hải, huyện Kiên Lương, dự án cấp điện lưới quốc gia cho xã đảo Tiên Hải, thành phố Hà Tiên, xã đảo Hòn Thơm, huyện Phú Quốc,... đang thi công dự án đường dây 220 kV mạch kép Kiên Bình - Phú Quốc, trạm biến áp 220 kV Phú Quốc và các dự án phát triển lưới điện cho các xã đảo còn lại. Ngoài ra, đã triển khai đầu tư hoàn thành phát triển lưới điện vùng lõm cho các xã của huyện: Giồng Riềng, Hòn Đất, Gò Quao, An Biên, An Minh, Kiên Hải và các dự án cấp điện cho đồng bào Khmer.

Phối hợp với ngành điện đầu tư lưới điện phục vụ bơm tát theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ và triển khai đầu tư hạ tầng điện phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung. Qua đó, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu về điện cho sản xuất lúa và nuôi tôm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và góp phần tăng tỷ lệ sử dụng điện toàn tỉnh dự kiến năm 2020 đạt 99,5% (vượt mục tiêu Nghị quyết 99%).

Mạng lưới đô thị của tỉnh tiếp tục được mở rộng, phát triển, định hình rõ nét. Công tác quy hoạch tạo cơ sở để kế hoạch hóa đầu tư, phân bổ nguồn lực góp phần định hướng đầu tư và hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng đô thị, phục vụ cho công tác mở rộng, tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 ước đạt 29,4%. Triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kiên Giang, đến nay đã phát triển được 02 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV, 10 đô thị loại V, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

¹⁶ Trong đó, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục công trình, như: Hệ thống giao thông, hệ thống điện, điện chiếu sáng; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; công, hàng rào KCN, trồng cây xanh, với tổng vốn đầu tư xây dựng là 132,39 tỷ đồng. Ngoài ra, dự án nhà máy xử lý nước thải và dự án cảng Thạnh Lộc đang được nhà đầu tư triển khai xây dựng, với tổng số vốn đầu tư là 150,17 tỷ đồng, đến nay cơ bản hoàn thành, sẽ đưa vào hoạt động phục vụ cho các doanh nghiệp trong KCN.

¹⁷ Trong đó: 21 dự án đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT), với diện tích 72,90 ha, tổng vốn đăng ký là 5.767 tỷ đồng.

2.4. Phát triển Thương mại - Du lịch:

Hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh phát triển cả về năng lực, sản lượng và giá trị sản xuất. Hàng hóa phong phú, đa dạng, lưu thông thông suốt, nhiều loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống được hình thành và phát triển ở tất cả các vùng trong tỉnh, góp phần tiêu thụ lượng hàng hóa nông thủy sản. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ dự kiến năm 2020 đạt 13,29% (Nghị quyết đề ra là 15%). Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã có 144 chợ hoàn thành và đi vào hoạt động (02 chợ loại I, 15 chợ loại II, 127 chợ loại III, 1 trung tâm thương mại và 9 siêu thị).

Các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch hàng năm được tăng cường đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả quan trọng: Tổ chức tốt đối thoại doanh nghiệp; định hướng sản phẩm nông nghiệp chủ lực có giá trị tăng cao, xây dựng thương hiệu, mẫu mã,... cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, tổ hợp tác; tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia các cuộc hội nghị, hội chợ, triển lãm, diễn đàn; tham gia quảng bá du lịch, giới thiệu tour, tuyến du lịch tại các sự kiện du lịch trong và ngoài nước,¹⁸ ... qua đó tạo cơ hội lớn cho các doanh nghiệp tiếp cận nhiều đối tác để tìm kiếm, liên doanh, liên kết, mở rộng thị trường hàng hóa, quy mô sản xuất, phát triển thương mại, du lịch, tăng khả năng cạnh tranh đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Thị trường tiêu thụ hàng hóa nông thủy sản xuất khẩu của tỉnh ngày càng được mở rộng, đến nay Kiên Giang đã có quan hệ buôn bán với 38 quốc gia trên toàn thế giới, hàng hóa của tỉnh đã được xuất khẩu vào một số thị trường khó như khối các nước EU, xuất khẩu sang các nước Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ. Kim ngạch xuất khẩu dự kiến năm 2020 đạt 780 triệu USD, không đạt Nghị quyết đề ra 1 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu đạt 80 triệu USD, vượt 60% so mục tiêu Nghị quyết. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu để sản xuất và phục vụ du lịch như: Thạch cao, giấy kraft, hạt nhựa, than đá, hải sản và các thiết bị cho dự án đầu tư cáp treo, casino Phú Quốc,..

Các doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, điểm du lịch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, chú trọng đào tạo nhân lực ngành du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, liên kết tốt hơn với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Kết cấu hạ tầng phục vụ cho du lịch tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp và phát triển, trong đó có một số công trình rất quan trọng như sân bay, cảng biển, hệ thống cấp điện, cấp nước sạch, hệ thống giao thông đường bộ... tạo điều kiện du lịch phát triển.

¹⁸ Tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến Đầu tư tỉnh Kiên Giang năm 2019 tại thành phố Rạch Giá; tổ chức Hội nghị mặt doanh nghiệp đầu năm 2019 và khen thưởng cho các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2018; Hội nghị đối thoại doanh nghiệp (2 lần); Báo cáo kết quả thực hiện chỉ số PCI năm 2018 và giải pháp nâng cao chỉ số PCI tỉnh Kiên Giang năm 2019. Tổ chức Hội chợ Thương mại vùng đồng bằng sông Cửu Long; Tham gia Lễ hội Hoa ban và Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên lần thứ VI; Tham gia quảng bá du lịch Phú Quốc nhân sự kiện tiệc cưới của gia đình cô Grewal tại Khách sạn Marriott - Phú Quốc,....

Công tác tuyên truyền, giới thiệu quảng bá những giá trị văn hóa, tài nguyên và sản phẩm du lịch đặc sắc của tỉnh Kiên Giang đến với du khách trong và ngoài nước được triển khai mạnh mẽ, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện và thu hút khá nhiều dự án đầu tư du lịch với một số dự án đi vào hoạt động hiệu quả¹⁹,...qua đó lượng khách đến tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh, nhất là ở huyện Phú Quốc, Kiên Hải và thành phố Hà Tiên,... tăng đáng kể. Đến năm 2020, số lượt khách đến trên địa bàn tỉnh đạt 9,33 triệu lượt khách, tăng 2,14 lần năm 2015 (trong đó khách quốc tế 750.000 lượt khách, tăng 3,39 lần năm 2015).

2.5. Dịch vụ vận tải - Bưu chính viễn thông:

Dịch vụ vận tải ngày càng được đổi mới, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, chất lượng ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân, đặc biệt những dịp tết và lễ hội, mùa tham quan du lịch hàng năm. Khối lượng vận tải hàng hoá và hành khách đều tăng cao. Ước thực hiện giai đoạn 2016-2020, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 18%/năm (theo tấn) và số lượt hành khách vận chuyển tăng 9,6%/năm (theo người). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 13 tuyến vận tải hành khách, hàng hóa từ bờ ra đảo và đang triển khai xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế tại Phú Quốc và các cảng bến tại các khu vực khác.

Dịch vụ thông tin liên lạc trong tỉnh phát triển khá nhanh, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội. Các dịch vụ bưu chính cơ bản được triển khai đến tận vùng sâu, biên giới, hải đảo, 100% xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ bưu chính. Dịch vụ điện thoại cố định và di động đã được phủ sóng toàn tỉnh. Tính đến năm 2020, mật độ thuê bao trên địa bàn đạt 116,6 thuê bao /100dân.

2.6. Tài chính, ngân hàng:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước giai đoạn 2016-2020 là 49.807,06 tỷ đồng, tăng 24,3% so kế hoạch đầu kỳ; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 11,55% so với GRDP. Trong đó, thu nội địa là 48.701,212 tỷ đồng, tăng 54,74% so kế hoạch và chiếm tỷ trọng 97,78% trong tổng thu; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 1.097,277 tỷ đồng, tăng 139,8% so kế hoạch và chiếm 2,2% trong tổng thu; trong đó năm 2020 tổng thu ngân sách là 11.540 tỷ đồng, so với số liệu Cục Thống kê công bố năm 2015 tăng 44,28%, không đạt mục tiêu Nghị quyết; so với số liệu thời điểm xây dựng kế hoạch 5 năm tăng 2,13 lần, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu Nghị quyết phấn đấu tăng gấp 2 lần so năm 2015 là 5.399 tỷ đồng).

¹⁹ Tổ chức thành công các sự kiện trong chương trình Năm Du lịch Quốc gia 2016 – Phú Quốc – Đồng bằng Sông Cửu Long, cuộc thi hoa hậu và liên hoan âm thực,... tạo được tiếng vang và uy tín cho du lịch Kiên Giang. Đến nay, tỉnh đã thu hút 305 dự án đầu tư du lịch, với tổng diện tích 10.381 ha, tổng vốn đầu tư 338.373 tỷ đồng.

Tổng chi giai đoạn 2016-2020 ước 59.788,513 tỷ đồng²⁰, tăng 6,5% so kế hoạch. Cơ cấu chi ngân sách địa phương trong giai đoạn 2016-2020 có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển chuyển dịch tăng so giai đoạn 2011-2015; tỷ trọng chi thường xuyên có xu hướng giảm. Trong đó, chi đầu tư phát triển 16.992,624 tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 28,42% trong tổng chi ngân sách địa phương (mục tiêu 19,49%), tăng 8,93% so kế hoạch; chi thường xuyên 41.977,795 tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 70,21% trong tổng chi ngân sách địa phương.

Các chính sách tín dụng, tiền tệ được triển khai thực hiện, hoạt động ngân hàng được đảm bảo an toàn, hiệu quả, đưa nhanh dòng vốn vào sản xuất, kinh doanh, đồng hành cùng doanh nghiệp, nông dân vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất. Trong giai đoạn 2016 – 2020, hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng, tổng nguồn vốn hoạt động tăng bình quân 15,72%/năm. Trong đó, huy động vốn tại chỗ tăng trưởng bình quân 13,9%/năm, dư nợ cho vay tăng trưởng bình quân 18,05%/năm²¹, tỷ lệ nợ xấu hàng năm đều chiếm dưới 3% so với tổng dư nợ, góp phần cải thiện thanh khoản của hệ thống ngân hàng, giảm mặt bằng lãi suất, mở rộng tăng trưởng tín dụng nhằm hỗ trợ thị trường, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Nguồn vốn tín dụng tập trung chủ yếu vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương như: Cho vay nông nghiệp, nông thôn, sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa...²².

2.7. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển:

Tổng vốn huy động ước đạt 225.681 tỷ đồng, đạt 88,4% so mục tiêu Nghị quyết, bình quân hàng năm chiếm 76,3% GRDP toàn tỉnh và tăng 53,17% so giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư bình quân các năm qua đạt 6,19%. Trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương chiếm 11,4% được tập trung đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Vốn đầu tư từ dân cư và doanh nghiệp chiếm 75,4%, tăng trưởng bình quân 10,35%/năm.

Nguồn vốn trên đã đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh tăng bình quân trên 7%/năm. Năng lực sản xuất các ngành, các lĩnh vực tăng lên đáng kể. Sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng 8,03%, sản lượng xi măng tăng 7,71%, sản lượng bia tăng gấp 2 lần năm 2015, GRDP khu vực dịch vụ tăng bình quân 13,8%.

²⁰ Không bao gồm chi từ nguồn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chi chuyển nguồn và chi bổ sung ngân sách cấp dưới.

²¹ Đến năm 2020, ước tổng nguồn vốn hoạt động là 104.000 tỷ đồng, tăng gấp 2,06 lần năm 2015; trong đó vốn huy động tại chỗ là 51.000 tỷ đồng, tăng 1,81 lần năm 2015; Dư nợ cho vay ước đạt 88.000 tỷ đồng, gấp 2,28 lần năm 2015.

²² Ước đến 30/12/2019, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 38.500 tỷ đồng, chiếm 49,49% tổng dư nợ; dư nợ cho vay sản xuất hàng xuất khẩu đạt 53.752 tỷ đồng, chiếm 7,02% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay DNNVV đạt 11.600 tỷ đồng, chiếm 14,91% tổng dư nợ.

Nguồn vốn đầu tư được ưu tiên đầu tư nhằm hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước... từng bước được hoàn thiện, hiện có 100% tuyến đường về thị trấn, xã ô tô đi được; trong đó đường liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đến nay đã đạt 5.977km/7.084km; đạt 84,38% và dự kiến năm 2020 thực hiện thêm 382km, sẽ đạt 89,9% (Nghị Quyết đến năm 2020 đạt 80%); có 99,5% số hộ được sử dụng điện; có 89,9% dân số đô thị được cấp nước sạch và 89,9% dân số nông thôn dụng nước hợp vệ sinh²³; hệ thống thủy lợi từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất đa mục tiêu và phục vụ nước sinh hoạt. Hệ thống trường học các cấp không còn phòng học ca ba, từng bước nâng cấp xây dựng mới khang trang, quan tâm đầu tư trang thiết bị lọc nước uống cho các trường mầm non và phổ thông trên địa bàn, kết quả giáo dục - đào tạo của tỉnh hiện đạt mức khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các cơ sở y tế từ tuyến xã đến tuyến tỉnh được kiên cố hóa từng bước trang bị hiện đại, hệ thống cơ sở vật chất, văn hóa, thông tin phát thanh truyền hình, các xã 135... được quan tâm đầu tư.

2.8. Phát triển các thành phần kinh tế:

Thực hiện kế hoạch sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, đến nay tỉnh còn lại 01 doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang, dự kiến đến cuối tháng 12/2020 hoàn thành việc cổ phần hóa và 01 doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước (Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết). Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, hiện nay với 9.392 doanh nghiệp đang hoạt động với số vốn đăng ký theo điều lệ là 108.462 tỷ đồng, hằng năm đã đóng góp 36,27% tổng vốn đầu tư của tỉnh.

Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã thu hút 209 dự án đầu tư ngoài ngân sách, quy mô 13.961,52 ha, với tổng vốn 134.114,29 tỷ đồng, trong đó có 22 dự án FDI, quy mô 381 ha, với tổng vốn đầu tư 33.103,93 tỷ đồng (tương đương 1.474,07 USD). Lũy kế toàn tỉnh có 779 dự án, quy mô 37.120,33 ha, với tổng vốn 469.382,47 tỷ đồng, bao gồm 59 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 63.085,88 tỷ đồng (tương đương 2.766.837.187 USD). Số dự án đang hoạt động hoạt động 417 dự án. Riêng Phú Quốc có 52 dự án đang hoạt động quy mô 1.280 ha, với tổng vốn đầu tư 15.085,88 tỷ đồng. Kinh tế tập thể được quan tâm phát triển, toàn tỉnh có 445 hợp tác xã với hơn 52.450 thành viên; 2.140 tổ hợp tác với 47.320 thành viên.

²³ Mục tiêu nghị quyết là 90% tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh, do áp dụng theo tiêu chuẩn mới nên tách thành 2 chỉ tiêu nêu trên.



Kinh tế tập thể được quan tâm phát triển, đến nay, toàn tỉnh có 430 hợp tác xã; tăng 208 hợp tác xã so với năm 2015, đạt 96,6% so với năm 2020; có 51.550 thành viên, diện tích 58.100 ha. Tổ hợp tác 2.233; giảm 210 tổ hợp tác so với năm 2015, đạt 96,5% so kế hoạch năm 2020, có 46.973 tổ viên, diện tích 71.313 ha và 1.150 trang trại; tăng 525 trang trại so với năm 2015. Thu nhập bình quân một trang trại đạt 1.414,975 triệu đồng/năm.

2.9. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế và tăng cường sự liên kết để cùng phát triển.

Các vùng kinh tế của tỉnh phát triển đúng hướng, vùng Tứ Giác Long Xuyên phát triển du lịch, dịch vụ cảng biển và chế biến nông thủy sản xuất khẩu. Vùng Tây Sông Hậu phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, cơ khí và dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Vùng U Minh Thượng phát triển nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái. Vùng biển đảo phát triển khá mạnh các loại hình dịch vụ- du lịch thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến với tỉnh nhất là Phú Quốc.

Hợp tác phát triển kinh tế- xã hội giữa tỉnh Kiên Giang và tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2025: Liên kết mô hình sản xuất nông nghiệp trên cơ sở thỏa thuận, hợp đồng gắn với chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hợp tác, phối hợp trong phát triển hạ tầng thủy lợi, vận hành, điều tiết nước sản xuất nông nghiệp, thủy sản tại các vùng giáp ranh, phòng chống hạn mặn... Hợp tác xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng và tiêu thụ, đảm bảo năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm cung ứng cho thị trường. Liên kết sản xuất vùng Tứ Giác Long Xuyên các sản phẩm chính (lúa gạo, rau màu, du lịch, thủy sản, cây ăn trái) nguồn nước và sinh kế (nước mặn, nước lợ). Xây dựng, tổng hợp danh mục các chương trình, dự án liên kết vùng và có tính chất vùng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, thủy lợi... Đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các dự án: Cống Kênh Nhánh, cống T3-Hòa Điền, cống Vàm Bà Lịch, cống Rạch Tà Niên là các dự án có ảnh hưởng đến các tỉnh lân cận như tỉnh An Giang và một phần thành phố Cần Thơ khi mà biến đổi khí hậu, nước biển dâng sẽ làm hạn chế mặn xâm nhập sâu vào nội đồng theo các tuyến kênh chính như Rạch Giá - Hà Tiên, sông Cái Sắn, gây nhiễm mặn ảnh hưởng sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân 3 tỉnh Kiên Giang- Cần Thơ- An Giang. Triển khai thực hiện đề án liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng bán đảo Cà Mau nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Hợp tác với Cần Thơ- An Giang- Cà Mau về phát triển kinh tế- xã hội các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng Sông Cửu Long.

3. Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc theo mô hình đặc khu kinh tế:

Đã hoàn chỉnh Đề án xây dựng “Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang” trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các Bộ, ngành Trung ương; các nhà quản lý, chuyên gia trong và ngoài nước, các doanh nghiệp, nhân dân²⁴. Với mục tiêu xây dựng Đặc khu Phú Quốc trở thành đô thị du lịch biển đảo - trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc tế; trong đó xác định 04 trụ cột kinh tế trọng điểm cho Đặc khu Phú Quốc là Du lịch; dịch vụ - thương mại; y tế, giáo dục; nông nghiệp và công nghệ cao (tăng 1 trụ cột và thay đổi một trụ cột so mục tiêu Nghị quyết đến năm 2020). Đồng thời cũng nêu rõ các cơ chế chính sách cho đặc khu như ưu đãi đầu tư, chính sách đầu tư kinh doanh trên địa bàn đặc khu, chính sách thu hút nguồn nhân lực... đủ mạnh để tạo lực cho Phú Quốc phát triển theo định hướng của Chính phủ và mục tiêu của tỉnh Kiên Giang.

Bên cạnh đó, trong nhiệm kỳ đã tập trung xây dựng, phát triển huyện đảo Phú Quốc trở thành động lực phát triển của tỉnh. Thời gian qua Phú Quốc phát triển rất nhanh theo “Đề án tổng thể phát triển đảo Phú Quốc đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020” và “Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030”. Trên cơ sở đó, đã xây dựng và hoàn thành các quy hoạch ngành, lĩnh vực như: Quy hoạch phát triển giao thông đảo Phú Quốc, xây dựng²⁵, hệ thống năng lượng, phát triển thương mại, bưu chính, môi trường, dân cư đô thị... Nhiều dự án về dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí tiếp tục được đầu tư xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng²⁶. Về đầu mối giao thông vận tải nội vùng và hàng không quốc tế được tập trung đầu tư mạnh, tạo kết nối liên thông, đã có Sân bay và Cảng biển Quốc tế kết nối với các thành phố trong và ngoài nước (Trung Quốc, Nga, Anh, Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc, Campuchia, Thụy Điển) và các đường bay trong nước gồm Phú Quốc đi Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng và ngược lại. Tổng thu ngân sách Phú Quốc chiếm gần 50% số thu ngân sách của cả tỉnh²⁷; nguồn thu này dùng để đầu tư hạ tầng phát triển cho cả tỉnh.

²⁴ Đã tổ chức 02 hội thảo trong nước và quốc tế với sự tham gia của hơn 200 đại biểu trong và ngoài nước. Đề án đã được thông qua BTV Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; lấy ý kiến Tổ Công tác nghiên cứu cơ chế, chính sách phát triển đảo Phú Quốc của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án và Tiểu ban nghiên cứu chuyên đề về cơ chế, chính sách và đề xuất mô hình, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt hoạt động tinh gọn hiệu quả; các cơ chế chính sách thông thoáng mang tính đột phá, có tính cạnh tranh vượt trội trong khu vực và trên thế giới, đến nay đề án đang lấy ý kiến của Quốc hội.

²⁵ Đã phê duyệt 26 Đề án QH phân khu với quy mô 7.855,64 ha; 85 Đề án QHCTXD và QH tổng mặt bằng với quy mô 1.584,68 ha.

²⁶ Như: Khu Vinpearl, Mariot, khu Safari, khu Cáp treo An Thới- Hòn Thơm,...

²⁷ Giai đoạn 2015-2019 Phú Quốc đóng góp cho nguồn thu ngân sách tỉnh được 17.000 tỷ đồng.

Việc phát triển của Phú Quốc đã kích thích tăng trưởng ngành dịch vụ, thương mại và tạo ra việc làm mới cho Phú Quốc²⁸, thu nhập bình quân đầu người của Phú Quốc hiện nay khoảng 105 triệu đồng/người/năm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

III. NHẬN XÉT CHUNG VÀ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

1. Đánh giá tổng quát:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X đảng bộ tỉnh, tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều thành tích, tiến bộ quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân tăng 7,22% so với nhiệm kỳ IX (tăng 6,94%), cơ cấu kinh tế chuyển dịch từng bước theo hướng tích cực, đã xác định rõ hơn tiềm năng thế mạnh, tập trung đầu tư khai thác những lợi thế so sánh, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế-xã hội đề ra đến năm 2020 thực hiện đạt và vượt kế hoạch như, thu ngân sách, giao thông nông thôn, xã đạt nông thôn mới, giảm tỷ lệ sinh, giải quyết việc làm, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường đầu tư.

Những thành tích, tiến bộ trên là kết quả nỗ lực phấn đấu của toàn đảng bộ và quần dân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng chỉ đạo triển khai và thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh kịp thời và phù hợp với tình hình, vận dụng cơ chế chính sách linh hoạt, thông thoáng, thu hút đầu tư bằng nhiều nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội; phát huy được tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn thách thức, tạo đồng thuận xã hội. Trong chỉ đạo điều hành đã đề ra các chương trình, kế hoạch, đề án công việc cụ thể cho từng ngành từng cấp gắn với kiểm tra, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết X đảng bộ tỉnh đã đề ra.

Bên cạnh những thành tích tiến bộ, cũng còn những khó khăn hạn chế, xuất phát từ kinh tế thế giới có những biến động khó lường, cạnh tranh thương mại diễn biến phức tạp, thực trạng phát triển kinh tế của tỉnh các năm qua chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế sẵn có, tăng trưởng kinh tế chung phụ thuộc rất lớn vào kết quả sản xuất nông nghiệp (sản lượng lúa hàng năm), tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu vẫn theo chiều rộng thông qua tăng diện tích, tăng vụ, chỉ tạo ra được khối lượng nhiều, nhưng giá thành rẻ, giá trị thu nhập thấp.

²⁸ Bình quân hàng năm hỗ trợ giải quyết trên 7.920 lao động tại tỉnh có việc làm ổn định và thu hút 3.600 lao động từ các địa phương khác.

Nguồn lực đầu tư cho việc triển khai Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và hệ thống kết cấu hạ tầng nhất là hệ thống thủy lợi. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu bán thô, chưa qua chế biến nên giá trị thấp, liên kết trong sản xuất còn lỏng lẻo; quy mô nhỏ; việc tiếp cận chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn cũng như vay vốn ngân hàng còn hạn chế; tình hình vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vẫn còn xảy ra. Giá trị sản xuất công nghiệp còn thấp, chưa đảm bảo theo mục tiêu tăng trưởng của Nghị quyết; nguồn vốn huy động đầu tư toàn xã hội chưa đảm bảo kế hoạch. Công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp trong thời gian qua còn hạn chế, chưa đảm bảo việc kêu gọi đầu tư các dự án theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp của tỉnh. Tình hình đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp tuy đã có triển khai nhưng thực hiện còn chậm, việc triển khai còn kéo dài, gia hạn nhiều lần gây khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư.

Vốn đầu tư cho đường bộ còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu; các tuyến quốc lộ chính trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ 61, 63) tuy được đầu tư nhưng nhanh xuống cấp, hư hỏng, khó khăn trong việc lưu thông hàng hóa, kết nối với Quốc lộ 1A và liên kết vùng. Là tỉnh có vùng biển rộng lớn, tiếp giáp với nhiều nước trong khu vực, nhưng chưa có cảng biển xuất nhập khẩu hàng hóa nên khó khăn trong thu hút đầu tư.

Hạ tầng kỹ thuật cảng và bến thủy nội địa thấp chưa đáp ứng tốc độ phát triển; khả năng cân đối bố trí các nguồn vốn chậm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các hệ thống cảng chậm (*mục tiêu Nghị quyết đề ra xây dựng các hệ thống cảng dịch vụ hậu cần dầu khí ở bãi Đất Đỏ và kho ngoại quan, cảng biển Vịnh Đầm, cảng hành khách quốc tế Dương Quốc – Phú Quốc, cảng Bãi Nò-Hà Tiên; mở hướng phát triển vận tải biển sang Campuchia, Thái Lan, Malaysia*).

Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng ngày càng diễn biến phức tạp, nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đời sống nhân dân vùng ven biển

Nguyên nhân những hạn chế yếu kém tồn tại chủ yếu do việc tổ chức thực hiện, cụ thể hóa kế hoạch và công tác phối hợp giữa các ngành chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, một số chương trình trọng tâm, dự án trọng điểm triển khai kế hoạch thực hiện còn chậm.

Các dự án xác định đầu tư nhiều nhưng hạn chế về nguồn lực, bao gồm phát triển hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp²⁹ làm ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chậm phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh theo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đã đề ra...

Thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh, uốn nắn và xử lý khó khăn vướng mắc của các ngành các cấp chưa kịp thời, chưa tập trung chỉ đạo sâu sát, quyết liệt. Lãnh đạo một số sở ngành địa phương phát huy chưa tốt vai trò trách nhiệm của mình, vai trò tham mưu từng lúc chưa cao.

2. Một số kinh nghiệm về lãnh đạo điều hành:

Phải làm tốt công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chi tiết, từ chiến lược vĩ mô của nền kinh tế đến chiến lược của từng doanh nghiệp; Quy hoạch phải đồng bộ, phải khoa học, gắn giữa tiềm năng kinh tế của tỉnh với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, phải có bước đi phù hợp cho từng giai đoạn bằng các kế hoạch 5 năm, hằng năm; Xây dựng quy hoạch phải kịp thời và thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp thực tế theo Luật Quy hoạch.

Vận dụng xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách thật thông thoáng, đồng bộ, phù hợp với điều kiện, tình hình của địa phương nhằm tạo động lực khuyến khích, thu hút các nguồn lực trong nhân dân, của các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào từng chương trình, đề án, dự án trên từng địa bàn cụ thể, đặc biệt quan tâm huy động đầu tư kết cấu hạ tầng để khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế, nhất là ở lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, du lịch, kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến nông thủy sản; trên địa bàn Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, U Minh Thượng... góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao và bền vững.

Cần tập trung và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở tất cả các ngành, các cấp, trong đó, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, đề ra các biện pháp cụ thể, thiết thực, đồng bộ có tính khả thi và hiệu quả; quán triệt đến cán bộ đảng viên và nhân dân, đồng thời trong quá trình chỉ đạo phải luôn bám sát chương trình, kế hoạch, chỉ đạo quyết liệt, năng động sáng tạo, thường xuyên sâu sát cơ sở, kiểm tra uốn nắn giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh. Nâng cao vai trò trách nhiệm của các ngành, các cấp trong chỉ đạo điều hành, đặc biệt vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

²⁹ Nghị quyết đến 2020 tập trung xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào 02 KCN Thạnh Lộc-Châu Thành; Thuận Yên-Hà Tiên và phát triển thêm KCN Xẻo Rô-An Biên và 03 CCN, gồm: Vĩnh Hòa Hưng Nam - Gò Quao; Đông Bắc Vĩnh Hiệp - Rạch Giá và Hà Giang - Hà Tiên.

Phần II
MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Dự báo bối cảnh quốc tế những năm tới, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh tuy có gặp nhiều trở ngại, thách thức; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, tác động sâu rộng, đa chiều đến chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu. Kinh tế số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa xã hội; chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới. Theo đó, xu thế phát triển các đô thị thông minh, đô thị xanh ngày càng gia tăng. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là ASEAN, Trung Quốc và Ấn Độ có vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế toàn cầu; cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành các trung tâm mạnh ngày càng lớn.

Tình hình trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu dịch chuyển sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn. Khu vực tư nhân ngày càng có sự đóng góp lớn hơn vào nền kinh tế. Tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chững lại, nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình của nền kinh tế còn cao. Năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế. Quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra nhanh, tạo sức ép lớn về nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục và xử lý ô nhiễm môi trường đô thị. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nhanh, khốc liệt và khó lường, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống người dân.

Đối với Kiên Giang, là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển, vị trí thuận lợi về giao lưu kinh tế và hội nhập; tiếp tục có khả năng thu hút vốn đầu tư lớn, thu hút khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch, nhiều cơ hội tiếp nhận chuyển giao công nghệ, xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa có thể mạnh khi hội nhập, song ngoài những tác động, khó khăn chung của cả nước, tỉnh cũng chịu tác động cạnh tranh trực tiếp và mạnh mẽ của hàng hóa nước ngoài khi tham gia WTO, của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Mặt khác, tỉnh cũng sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề thách thức lớn như biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường v.v ... ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Tập trung thúc đẩy kinh tế phát triển ổn định, bền vững và có chiều sâu: Tiếp tục tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục khai thác, phát huy tốt các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh về du lịch, nuôi trồng thủy sản, nhất là phát triển các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế biển (hàng hải, du lịch biển). Giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 7,24%/năm, trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 1,17%/năm, khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 7,72/năm (*công nghiệp tăng 7,91%/năm*), khu vực thương mại – dịch vụ tăng 9,97/năm³⁰. Cụ thể trên các lĩnh vực:

1. Lĩnh vực nông nghiệp:

Tiếp tục thực hiện tốt tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, giảm diện tích trồng lúa, phát triển diện tích trồng cây ăn trái và cây có giá trị kinh tế khác ở những nơi có điều kiện, tập trung nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản, khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Hình thành các vùng trồng lúa hàng hóa có hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán ở hộ sang mô hình chăn nuôi tập trung; đa dạng hóa vật nuôi gắn với nhu cầu của thị trường. Tổ chức sản xuất tập trung, liên doanh liên kết, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, tập trung xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chính của tỉnh. Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản, đảm bảo cơ cấu phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác và nâng chất lượng sản phẩm đánh bắt xa bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chủ quyền lãnh thổ. Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản hàng hóa gắn với ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là nuôi lồng trên biển, vùng nuôi tôm công nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của người dân; cần có cơ chế đặc thù thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

³⁰ Phương án phân đầu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 7,45%/năm, trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 1,14%/năm, khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 8,05/năm (*công nghiệp tăng 8,42%/năm*), khu vực thương mại – dịch vụ tăng 10,27%/năm.

Phân đầu đến năm 2025, giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, thủy sản đạt 1,78% (theo giá 2010)³¹; tăng tỷ lệ xã đạt nông thôn mới lên trên 85% (100/117 xã), trong đó có 30 xã đạt chuẩn nâng cao; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mới; có khoảng 7-9 huyện đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch là 65%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%.

2. Lĩnh vực công nghiệp và thương mại, dịch vụ:

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, tập trung quy mô lớn, đáp ứng với nhu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu đồng thời tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, các nhóm ngành hàng mang lại giá trị gia tăng cao, đóng góp nhiều cho tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chuyển đổi mô hình tăng trưởng ngành công nghiệp từ phát triển theo chiều rộng (*số lượng*) sang phát triển theo chiều sâu nhằm khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh tế, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là đối với nguồn tài nguyên không tái tạo. Trong đó, tổ chức lại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị: chú trọng chất lượng, hàm lượng giá trị gia tăng để tăng khả năng cạnh tranh đối với nhóm mặt hàng chủ lực; đẩy mạnh phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi loại hình chế biến thủy sản từ nguồn nguyên liệu đánh bắt (*đang trong tình trạng suy giảm*) sang nuôi trồng để ổn định sản xuất và phát triển bền vững.

Tiếp tục đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng giao thông đường bộ, cảng biển nước sâu để kết nối, thông thương hàng hóa, giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp. Huy động tối đa các nguồn vốn, nhất là vốn ngoài ngân sách để đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Trong đó, hoàn chỉnh và lấp đầy KCN Thanh Lộc giai đoạn 1, cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam giai đoạn 1; triển khai đầu tư KCN Thanh Lộc giai đoạn 2, KCN Thuận Yên, KCN Xẻo Rô, cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam- giai đoạn 2, cụm công nghiệp Bình An, cụm công nghiệp Hàm Ninh để tạo mặt bằng kêu gọi đầu tư.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến mời gọi đầu tư các dự án công nghiệp theo quy hoạch, các dự án đã đăng ký đầu tư theo chuỗi giá trị với quy mô lớn như: Tập đoàn Marvin, Tập đoàn thủy sản Minh Phú, công tác xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Trong đó, tiếp tục đổi mới nội dung, đa dạng hình thức, xác định lĩnh vực mũi nhọn để thực hiện xúc tiến đầu tư. Ưu tiên thu hút các nhóm ngành công nghiệp mang lại giá trị cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và thân thiện môi trường.

³¹ Sản phẩm chủ yếu đạt: sản lượng lúa khoảng 4 triệu tấn (có 80% lúa chất lượng cao); Sản lượng khai thác thủy sản đạt 425.000 tấn; nuôi trồng thủy sản đạt 375.000 tấn (tôm nuôi là 100 000 tấn)

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, mở rộng thị trường; tích cực phối hợp với các Bộ ngành trung ương đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp do trung ương đầu tư trên địa bàn; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ theo hướng tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; tăng cường công tác dự báo thị trường và cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin về các rào cản kỹ thuật, những quy định về quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu của các nước, nhất là các nước là thành viên các hiệp định thương mại tự do đã và đang ký kết.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp trong tương lai, nhất là các nhóm ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, chế biến thủy hải sản, cũng như trong các khu vực có khu, cụm công nghiệp; nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, các trường trên địa bàn tỉnh để đảm bảo cung ứng lực lượng lao động có trình độ, chất lượng, bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, có khả năng vận hành máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại; tăng cường chức năng các lớp tọa đàm, tập huấn, đào tạo để giúp người lao động nâng cao kỹ năng, tác phong công nghiệp và nắm bắt cơ hội việc làm.

Tăng cường hỗ trợ đầu tư, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho các cơ sở công nghiệp thông qua các chính sách hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại hiện hành. Phấn đấu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 8,5%; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 99%.

Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào 03 KCN (*Thanh Lộc - Châu Thành, Thuận Yên - Hà Tiên, Xẻo Rô - An Biên*) và 03 CCN (*Vĩnh Hòa Hưng Nam - Gò Quao, Hàm Ninh - Phú Quốc, Bình An - Châu Thành*) và tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng một số cụm công nghiệp Hà Giang - Hà Tiên, Đông Bắc Vĩnh Hiệp - Rạch Giá. Đẩy mạnh hoạt động thương mại khu vực biên giới cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, cửa khẩu quốc gia Giang Thành; gắn kết với Phú Quốc, các trung tâm đô thị Kiên Lương và Rạch Giá để hình thành các cực tăng trưởng năng động của tỉnh, làm hạt nhân lan tỏa sang các khu vực lân cận.

Phấn đấu tổng thu ngân sách ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt 73.645 tỷ đồng, tăng 47,9% so với ước thu giai đoạn 2016-2020; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 11,55% so với GRDP. Trong đó, thu nội địa là 72.810 tỷ đồng (thu tiền sử dụng đất 7.000 tỷ đồng, thu từ xổ số kiến thiết 8.644 tỷ đồng, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 201 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 98,87% trong tổng thu; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 835 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,13% trong tổng thu.

Tổng chi dự kiến 83.913,232 tỷ đồng, tăng 40,3% so với ước chi giai đoạn 2016-2020³². Cơ cấu chi ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025 có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên chuyển dịch tăng so giai đoạn 2016-2020. Trong đó, chi đầu tư phát triển 23.781,251 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 28,34% trong tổng chi ngân sách địa phương, tăng 39,95% so với ước chi giai đoạn 2016-2020; chi thường xuyên 57.851,2 tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 68,94% trong tổng chi ngân sách địa phương, tăng 39,95% so với ước chi giai đoạn 2016-2020.

Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đảm bảo an toàn, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quản trị và điều hành của các tổ chức tín dụng; tập trung áp dụng các loại hình dịch vụ phù hợp phục vụ nhóm dân cư chưa hoặc ít được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng truyền thống ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nhằm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tối ưu hóa mạng lưới ATM, máy POS; thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh. Kế hoạch tổng nguồn vốn hoạt động ngân hàng đến năm 2025 là 68.250 tỷ đồng, tăng gấp 1,34 lần so với năm 2020. Dự nợ cho vay đến năm 2025 là 158.550 tỷ đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2020. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ cho vay.

Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ để tăng khả năng liên kết hiệu quả giữa các phương thức vận tải, giảm đầu mối cung cấp. Nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ ủy thác cho địa phương quản lý (QL80, QL61, QL63, QL.N1), hệ thống đường tỉnh (ĐT), đường huyện (ĐH), giao thông nông thôn (GTNT); nghiên cứu phát triển tuyến vận tải ven biển Việt Nam - Campuchia - Thái Lan. Nạo vét, mở rộng một số tuyến đường thủy quan trọng (Rạch Giá - Hà Tiên, Rạch Sỏi - Hậu Giang); xây dựng hoàn thành cảng hành khách quốc tế Phú Quốc, xây dựng cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ và cảng Vịnh Đầm – Phú Quốc, xây dựng cảng Hòn Chông, mở rộng cảng Bãi Vòng, cảng Rạch Giá. Ưu tiên phát triển vận tải công cộng bằng xe buýt, taxi,..

Đẩy mạnh thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị ven biển; xây dựng và nhân rộng các đô thị thông minh. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 23 đô thị, trong đó 2 đô thị loại I (Rạch Giá và Phú Quốc), 1 đô thị loại III (Hà Tiên). Xây dựng đảo Phú Quốc trở thành thành phố du lịch biển-đảo tầm cỡ quốc gia và khu vực. Xây dựng thành phố Rạch Giá là một trong 4 đô thị của vùng kinh tế trọng điểm thuộc vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Xây dựng thành phố Hà Tiên trở thành đô thị kinh tế cửa khẩu quốc tế, trung tâm văn hóa-du lịch lớn của tỉnh và khu vực. Xây dựng huyện Kiên Lương là đô thị-công nghiệp có quy mô lớn và hiện đại; trung tâm du lịch cấp tỉnh.

³² Không bao gồm chi từ nguồn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chi chuyển nguồn và chi bổ sung ngân sách cấp dưới, chưa tính đến các yếu tố làm giảm số chi tạo nguồn cải cách tiền lương giai đoạn 2021-2025.

Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 80, 63, 61, N1 và đoạn tuyến tránh qua thành phố Rạch Giá³³. Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đường tỉnh (ĐT), đường huyện (ĐH), giao thông nông thôn³⁴. Trong đó, tập trung xây dựng các dự án liên kết vùng như Đường tỉnh ĐT.970; đường tỉnh ĐT.963 và ĐT.963B; ĐT.962; ĐT.967; ĐT.969B... hệ thống bến bãi đầu mối giao thông, hệ thống điểm dừng đỗ xe và cửa khẩu quốc tế Hà Tiên; cải tạo nâng cấp đường huyện dài 150km. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, hoàn thành 100% chỉ tiêu về giao thông đạt tiêu chuẩn nông thôn mới³⁵.

Về đường thủy nội địa, hàng hải: Xây dựng bến thủy Xẻo Nhàu quy mô cảng tổng hợp³⁶. Tập trung xây dựng hoàn thành Cảng Hành khách quốc tế Phú Quốc; nâng cấp, mở rộng cảng Bãi Vòng; xây dựng Cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ và cảng Vịnh Đầm - Phú Quốc và nâng cấp mở rộng cảng Rạch Giá; xây dựng cảng Hòn Chông.

Về lĩnh vực hàng không: tiếp tục phát triển các đường bay từ Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc đến các nước khu vực Đông Nam Á như: Bangkok hoặc Phuket (Thái Lan), Kuala Lumpur (Malaysia), Singapore, Laos, Campuchia; đến các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Đức, Úc, Pháp, Anh và Ấn Độ cũng như các thị trường tiềm năng khác... Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá; Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc tập trung đầu tư đường hạ cất cánh số 2 và nhà ga hành khách T2³⁷.

- Về phát triển vận tải: Đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá cả hợp lý đảm bảo an toàn, tiện lợi; ưu tiên phát triển vận tải công cộng bằng xe buýt, taxi. Phấn đấu đến năm 2025, tổng sản lượng vận tải toàn ngành GTVT khoảng 9,5 tỷ tấn.km hàng hóa (*tương đương với 66 triệu tấn hàng hóa*); 27,6 tỷ hành khách.km (*tương đương 460 triệu lượt hành khách*). Nghiên cứu phát triển tuyến vận tải ven biển Việt Nam – Campuchia – Thái Lan.

³³ Bộ GT ùy thác cho địa phương quản lý đã quá tải so với quy mô đầu tư hoặc hết niên hạn sử dụng là 1.860 tỷ đồng. Với khối lượng dự kiến đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp đường quốc lộ dài 421km đường bộ (xây dựng mới là 172km); 8.354m dài cầu với tải trọng H.93.

³⁴ dự kiến tổng vốn cho đầu tư xây dựng là 14.024 tỷ đồng. Với khối lượng dự kiến đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp đường tỉnh 382km đường bộ (xây dựng mới là 109km); 9.532m dài cầu với tải trọng từ 0.65HL93 đến H.93.

³⁵ quy mô đạt quy mô đường loại B, cầu tải trọng tối thiểu 5,0 tấn; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; dự kiến giải đoạn tới khoảng 1.700 tỷ đồng, tập trung xây dựng mới 1.420km đường và 2.500 m dài cầu.

³⁶ Kiến nghị Bộ GTVT đầu tư nạo vét một số tuyến đường thủy quan trọng để phục vụ nhu cầu vận tải gồm: nạo vét từng đoạn trên tuyến Rạch Giá – Hà Tiên, Rạch Sỏi – Hậu Giang; mở rộng tuyến đường thủy quốc gia Rạch Giá - Hà Tiên tại vị trí ngã ba giao với cầu Cái Tre (trên tuyến Quốc lộ 80) nhằm đảm bảo an toàn cho các phương tiện đường thủy vào Khu công nghiệp Kiên Lương và cải tạo tỉnh không cầu Cái Tre.

³⁷ Thực hiện Quyết định số 2119/QĐ-TTg ngày 28/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án định hướng phát triển đường bay trực tiếp giữa Việt Nam và các quốc gia, địa bàn trọng điểm của các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài để thúc đẩy đầu tư phát triển, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế.

3. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, đẩy mạnh liên kết vùng và hội nhập quốc tế

Nâng lên hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối; tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập mới doanh nghiệp, khởi nghiệp. Tập trung phát triển kinh tế tập thể. Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn nước ngoài phát triển theo quy định của pháp luật; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

Hoàn thiện việc lập quy hoạch phát triển vùng, đẩy mạnh công tác liên kết vùng hiệu quả. Tăng cường quan hệ đối ngoại Đảng, Nhà nước với các nước trong khu vực và quốc tế, nhất là ngoại giao về kinh tế, văn hóa và khoa học công nghệ. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Quan tâm xây dựng mối quan hệ với các tỉnh, thành phố trong vùng để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững. Tiếp tục phát huy công tác đối ngoại nhân dân.

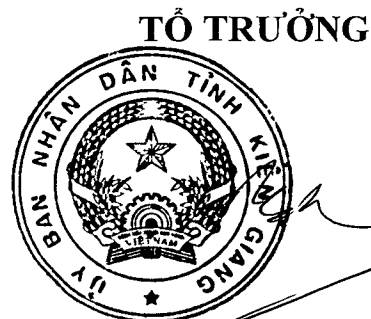
4. Tiếp tục xây dựng các chuyên đề, kế hoạch thực hiện các khâu đột phá:

- (1) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cải cách hành chính.
- (2) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển.
- (3) Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với xây dựng nông thôn mới.
- (4) Tập trung phát triển các vùng du lịch và các đô thị trọng điểm: Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, U Minh Thượng, tạo động lực thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển.
- (5) Phát triển tốt thế mạnh kinh tế biển theo Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 21-02-2019 của Tỉnh ủy.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X (2015-2020) và một số nội dung, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2025 trên lĩnh vực kinh tế của Tổ nghiên cứu chuyên đề kinh tế. /

Nơi nhận:

- Tiểu ban Văn kiện;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ nghiên cứu chuyên đề kinh tế;
- Sở ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, KHĐT, pxquyet (01b).



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Vũ Hồng